

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày 12 - 3 - 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Ông Ngô Sỹ Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 43/2019/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 258/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 2 (nay là Xóm 1), xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2 (nay là xóm 1), xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Chị Trần Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị H1 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, chị H1 không tôn trọng anh H. Do tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H1, không yêu cầu đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị H1 có 02 con chung là cháu Vũ Thị B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2010 và cháu Vũ Văn P, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2013. Nếu vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh H là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Thị B, còn giao cháu Vũ Văn P cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho chị Trần Thị H1 nhưng chị H1 đều vắng mặt không có lý do, không phản hồi các thông báo của Tòa án, tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, tại hồ sơ vụ án không có bản tự khai của chị Trần Thị H1, vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh Vũ Văn H đã có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 258/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Trần Thị H1;

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2010 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Vũ Văn P, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2013 cho chị Trần Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Vũ Văn H, chị Trần Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Tách quan hệ tài sản chung và khoản nợ không giải quyết trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện bằng vụ án

dân sự khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ các tiêu chuẩn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 12 năm 2019, bị đơn Trần Thị H1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng còn việc cấp dưỡng như thế nào thì tùy anh H; về tài sản, chị đề nghị chia đôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị H1 giữ nguyên kháng cáo, chị H1 đồng ý ly hôn với anh Vũ Văn H nhưng đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Thị B và cháu Vũ Văn P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Về tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng như thế nào thì tùy anh H, chị H1 không yêu cầu giải quyết. Về tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Vũ Văn H đồng ý cho chị H1 nuôi dưỡng cháu Vũ Thị B và cháu Vũ Văn P nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về tài sản, anh H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn chị Trần Thị H1 kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị H1; áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ nuôi con, giao cho chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Vũ Thị B và cháu Vũ Văn P cho đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung vụ án: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thị B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2010 và cháu Vũ Văn P, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2013. Quá trình sinh sống, giữa hai người có nhiều mâu thuẫn. Ngày 13 tháng 9 năm 2019, anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị H1 và đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Thị B cho anh H, giao cháu Vũ Văn P cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ thu thập được; căn cứ các quy định của pháp luật đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị H1 có kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H1:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị H1 và anh Vũ Văn H thống nhất và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H1 và anh H được ly hôn. Theo lời khai của các đương sự; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì mặc dù có cùng địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng chị H1 và anh H đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016, chị H1 đã chuyển chỗ ở và hiện đang tạm trú tại phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, hôn nhân của anh Vũ Văn H và chị Trần Thị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của hai bên, cho anh H được ly hôn với chị H1.

Về quan hệ con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị H1 có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và anh Vũ Văn H cũng đồng ý. Cháu Vũ Thị B cũng có nguyện vọng được ở với chị H1. Xét điều kiện kinh tế, sự thỏa thuận của hai bên và nguyện vọng của con, cần giao cả 02 cháu Vũ Thị B và cháu Vũ Văn P cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H1 không yêu cầu mà tùy anh H và anh H cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn chị Trần Thị H1 cũng không có ý kiến hay yêu cầu phản tố gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét, giải quyết các yêu cầu trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Chị H1 kháng cáo đề nghị chia tài sản nhưng căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án của Tòa án sơ thẩm có kháng cáo. Nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết nội dung kháng cáo về tài sản của chị H1 là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm và vượt quá phạm vi khởi kiện quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khác.

Tuy nhiên, chị H1 và anh H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung bằng một án dân sự độc lập khác.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H1, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí sơ thẩm; chị Trần Thị H1 kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H1, sửa bản án sơ thẩm,

2. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Trần Thị H1;

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2010 và cháu Vũ Văn P, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2013 cho chị Trần Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vũ Văn H do chị Trần Thị H1 chưa yêu cầu. Anh Vũ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Tách quan hệ tài sản chung và khoản nợ không giải quyết trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ các tiêu chuẩn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005208 ngày 13 tháng 9 năm 2019.

- Về án phí phúc thẩm: Bị đơn chị Trần Thị H1 không phải chịu án phí phúc thẩm; trả lại cho chị H1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005258 ngày 09 tháng 12 năm 2019.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phồn